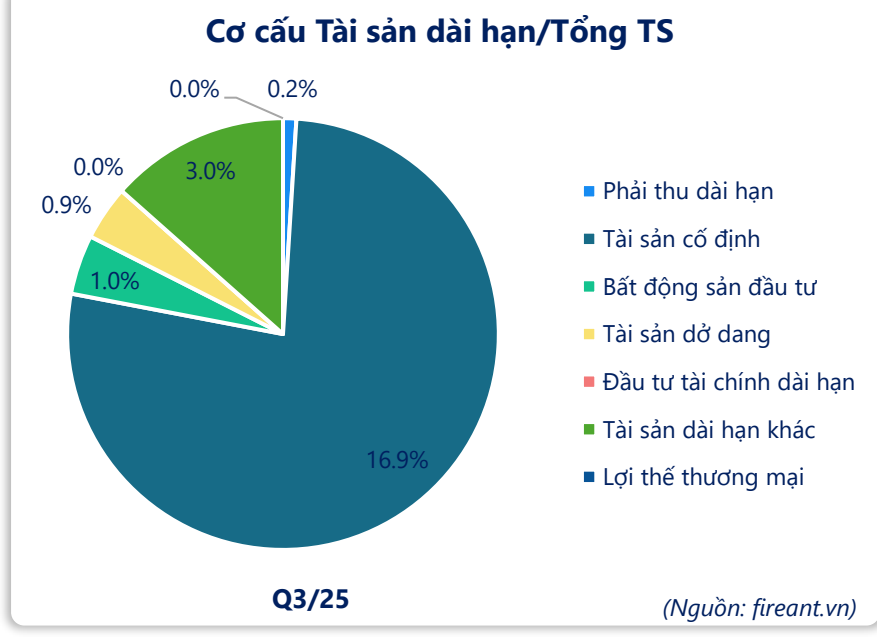
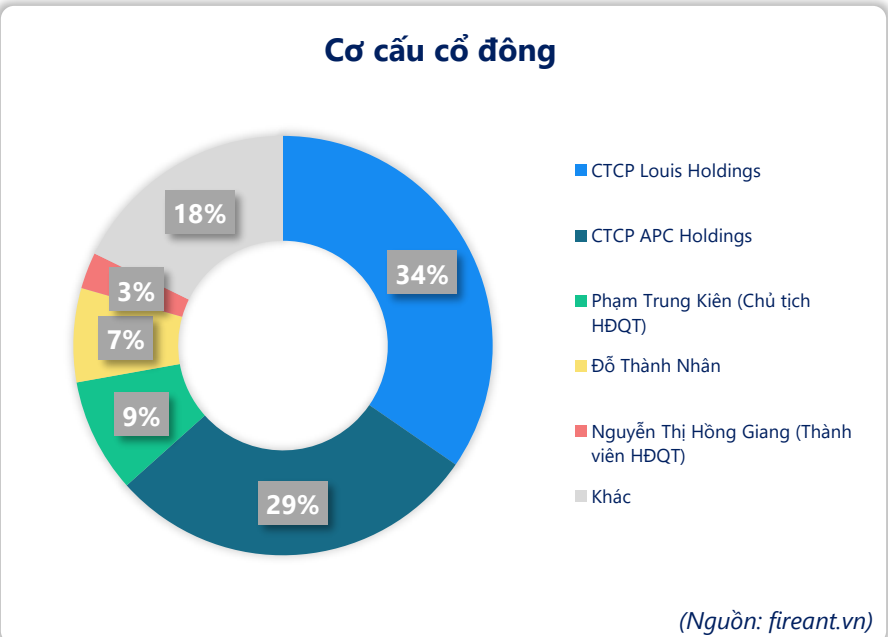
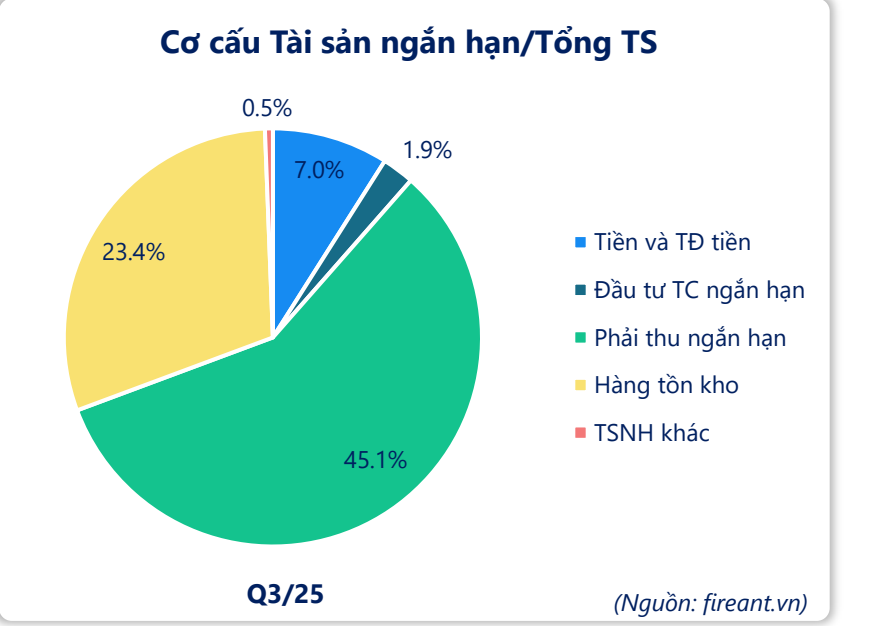
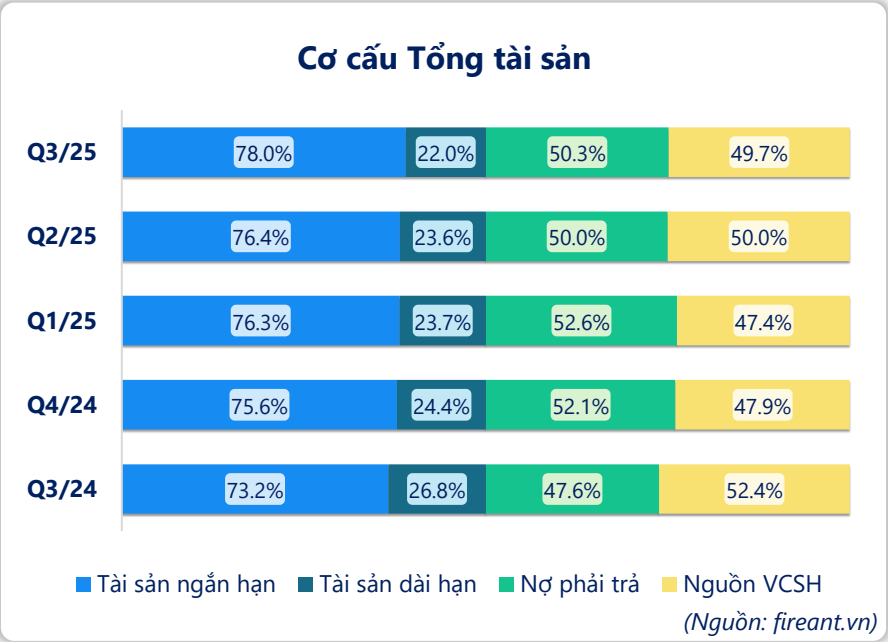
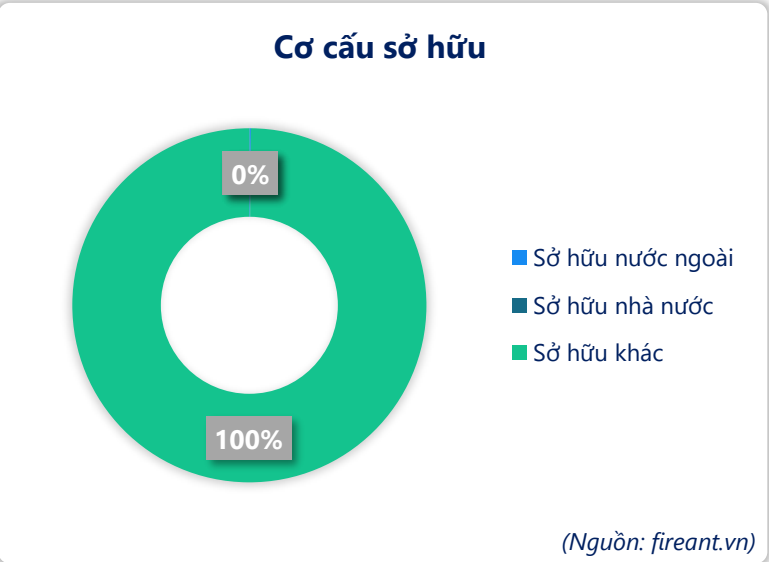
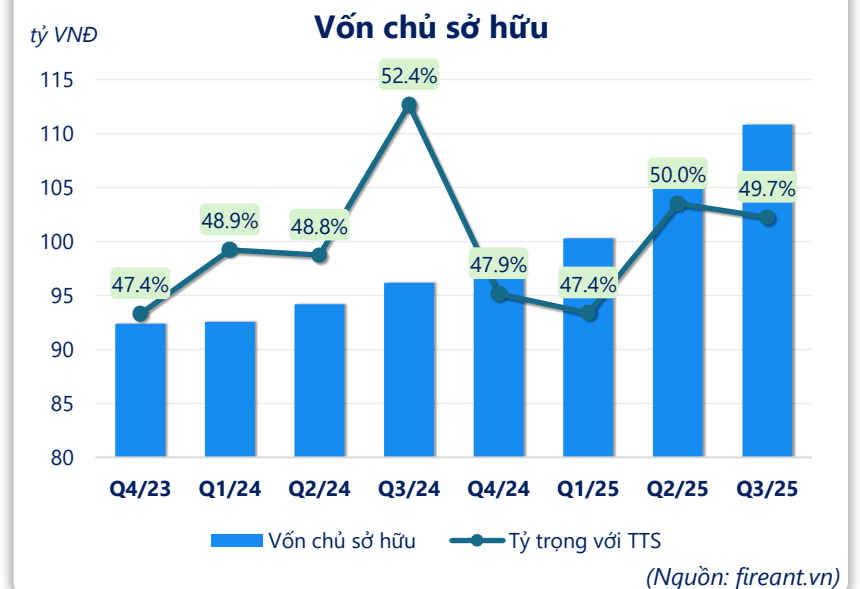
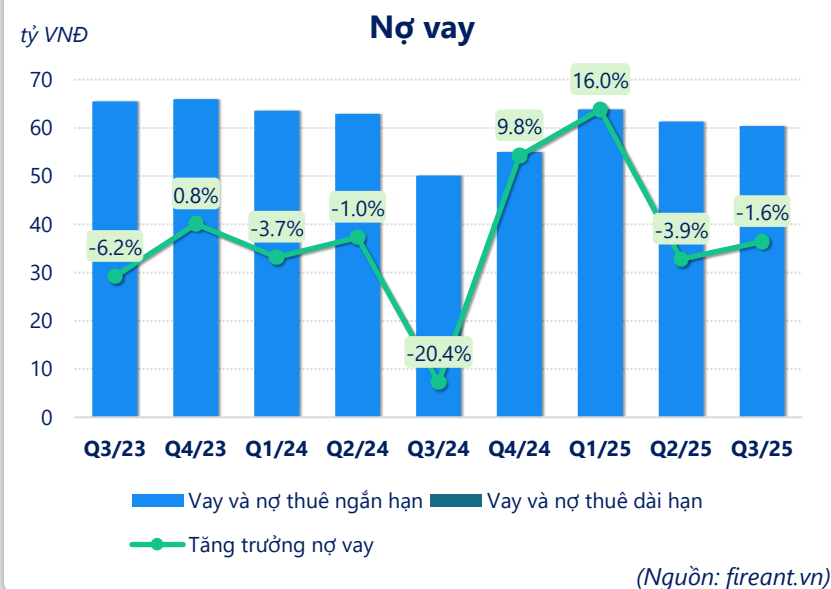
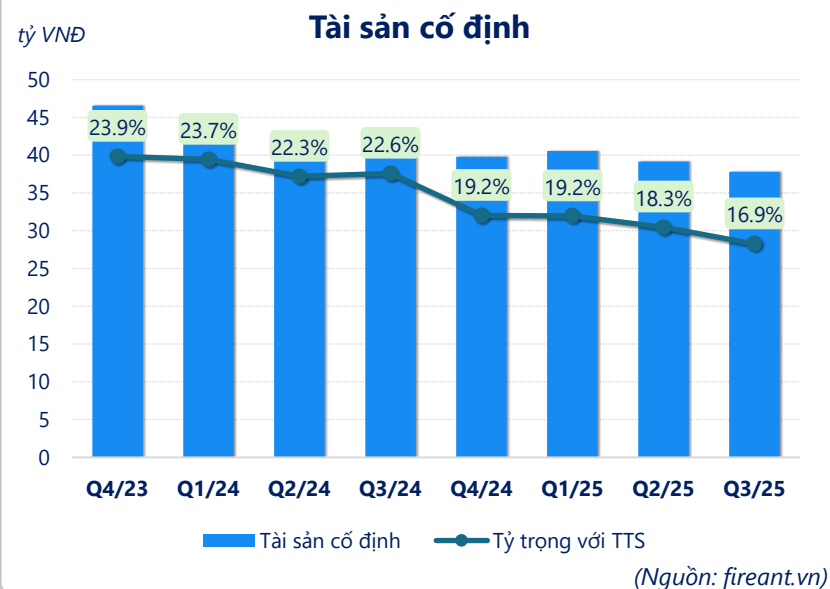
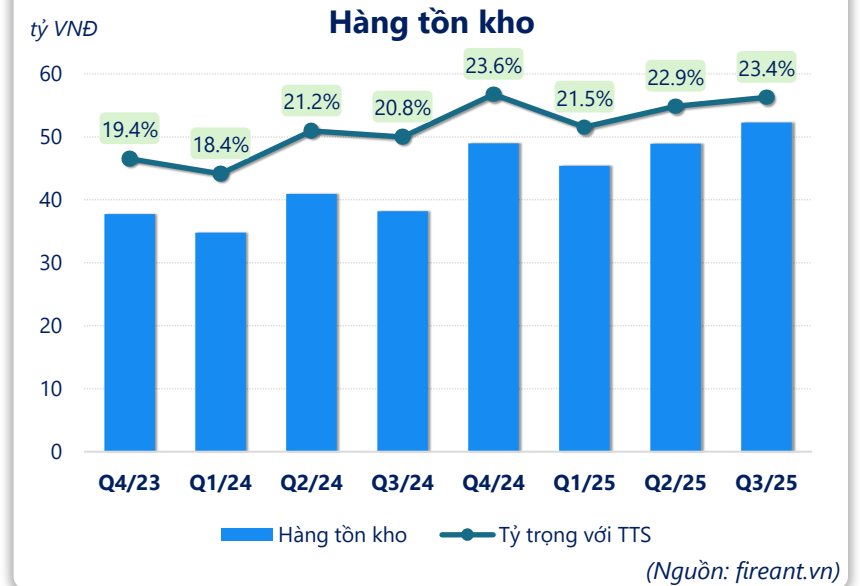
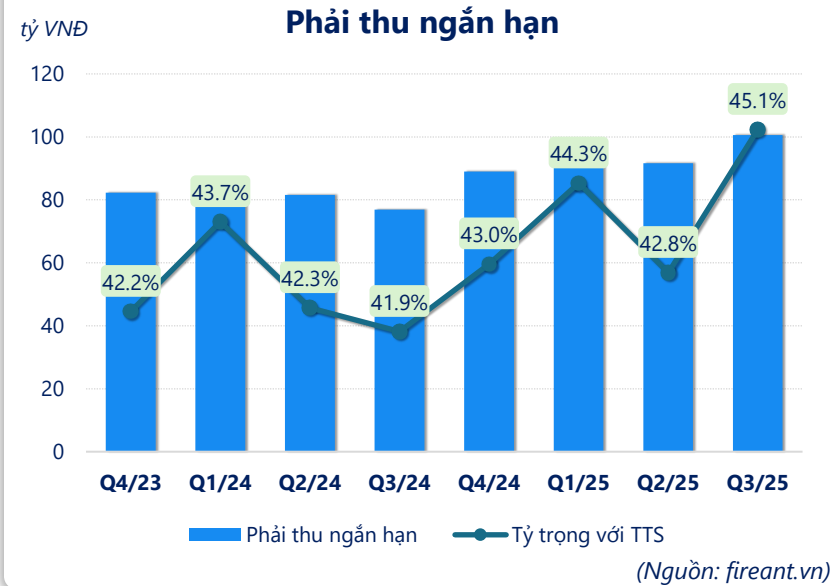
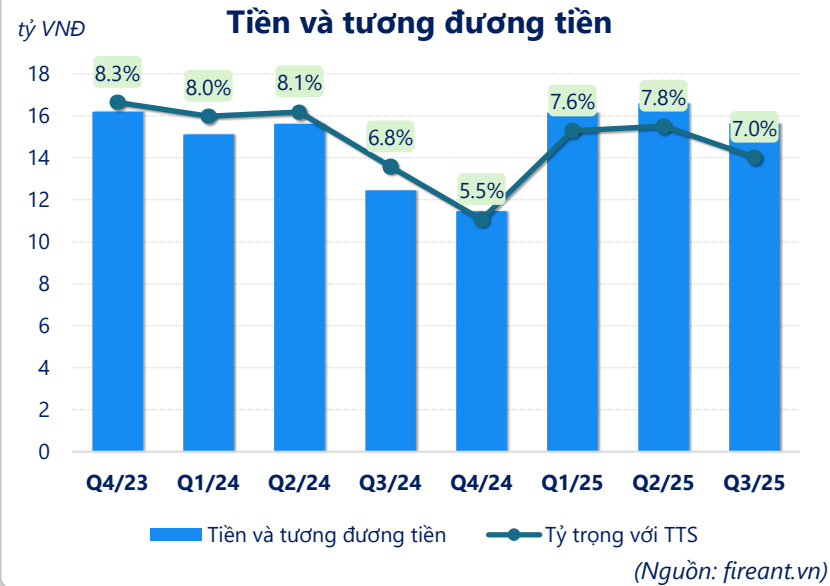
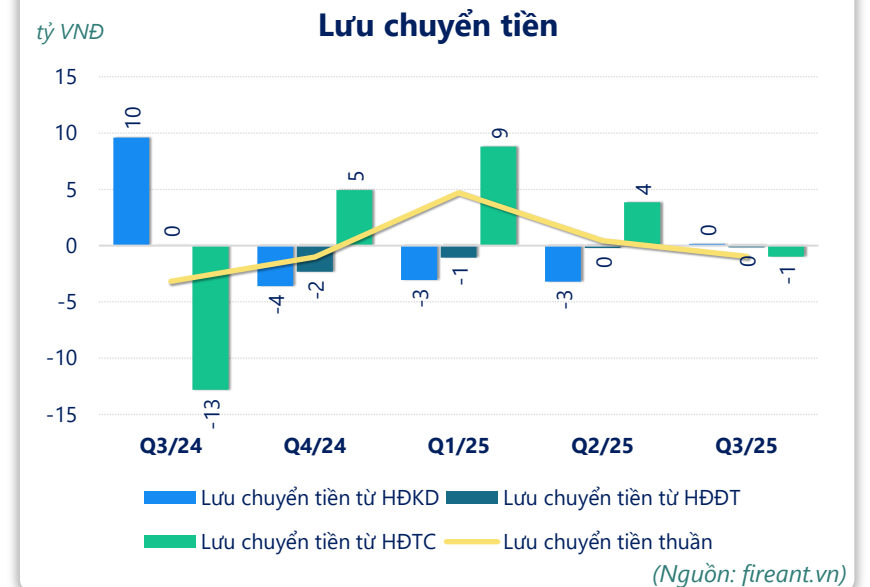
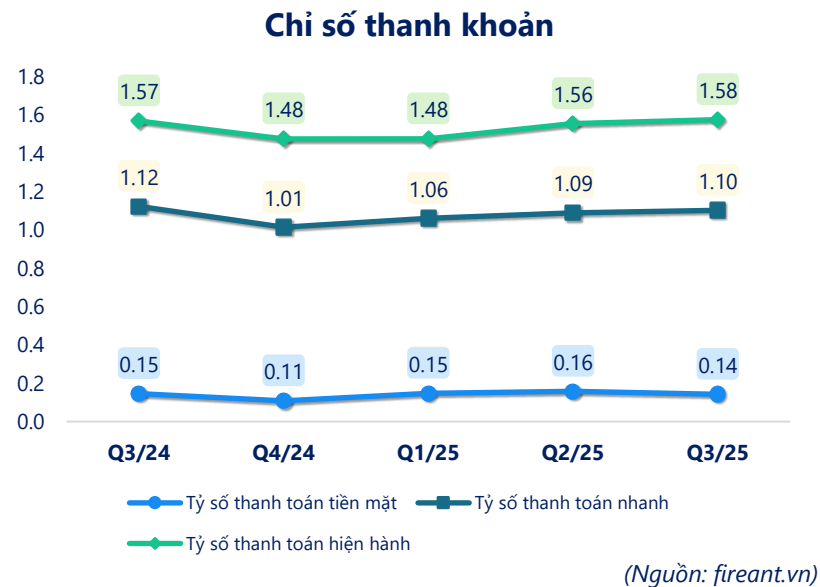
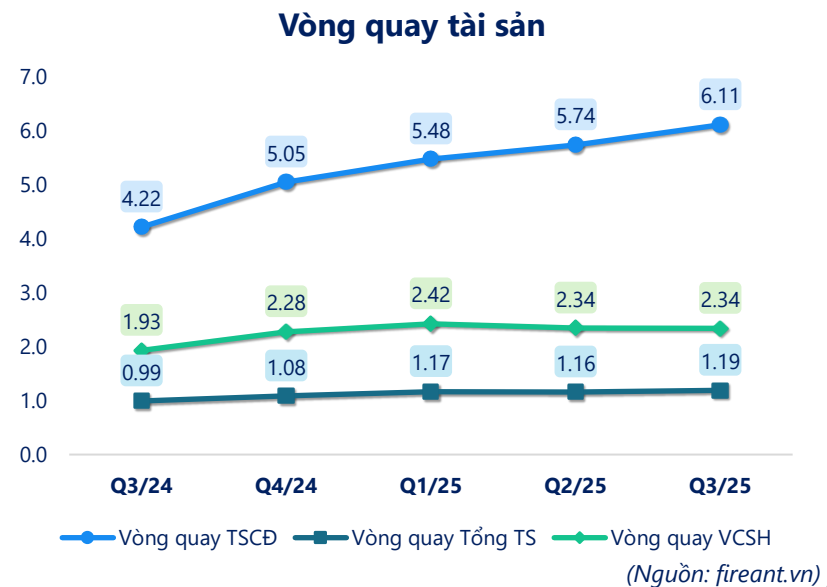
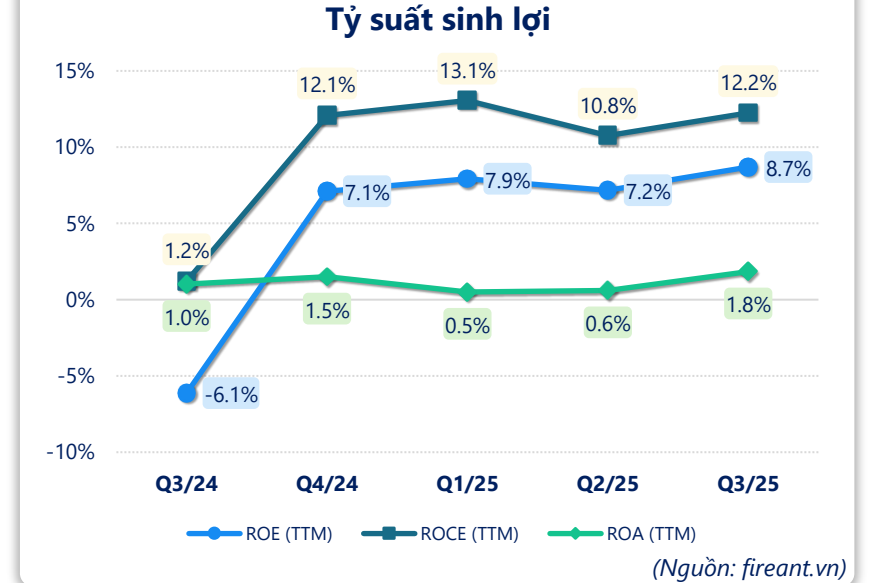
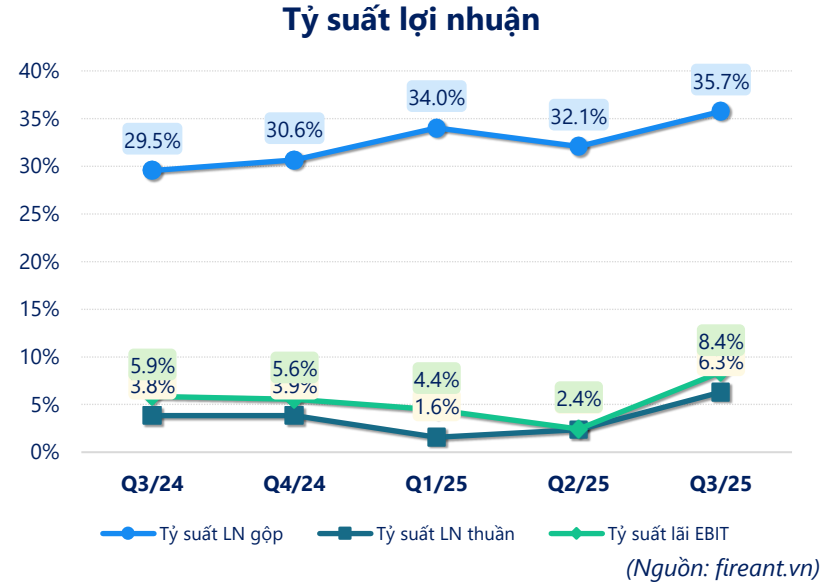
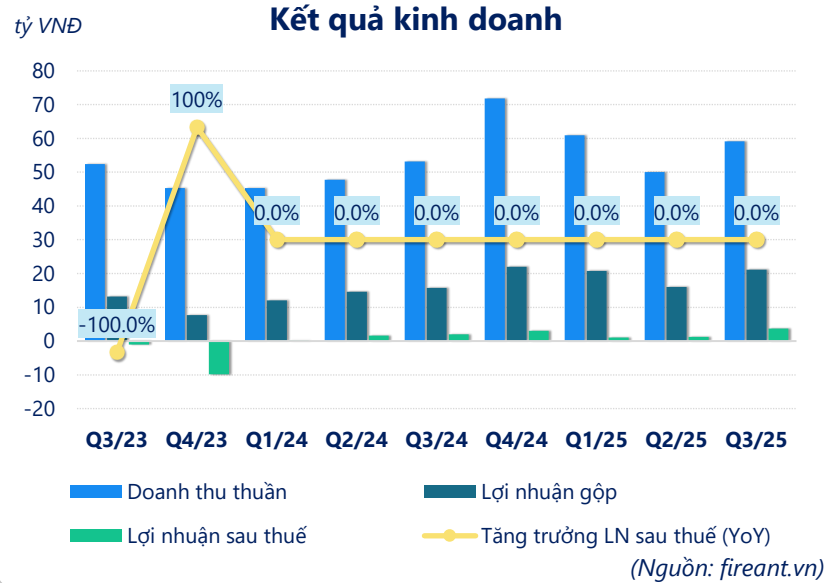


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		16,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,600
SL cổ phiếu LH		13,338,135
KLGD BQ 20 phiên (CP)		80,160
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		143
P/E		15.9
EPS		675

	YTD	1T	3T	6T
LDP	5.9%	-23.0%	-0.9%	-18.9%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	223	207	7.6%
Tài sản ngắn hạn	174	157	10.9%
Tiền và tương đương tiền	15.6	11.5	36.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.32	4.69	-8.0%
Phải thu ngắn hạn	101	89.1	12.8%
Hàng tồn kho	52.3	49.0	6.7%
Tài sản ngắn hạn khác	1.06	2.52	-57.9%
Tài sản dài hạn	49.1	50.4	-2.7%
Phải thu dài hạn	0.49	0.16	201%
Tài sản cố định	37.8	39.8	-5.0%
Bất động sản đầu tư	2.19	2.27	-3.6%
Tài sản dở dang	2.01	2.85	-29.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	6.60	5.37	22.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	112	108	3.9%
Nợ ngắn hạn	110	106	3.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	60.4	55.0	9.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	22.9	31.5	-27.4%
Nợ dài hạn	1.78	1.77	0.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	111	99.3	11.6%
Vốn chủ sở hữu	111	99.3	11.6%
Vốn điều lệ	133	127	5.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	53.1	71.8	60.9	50.0	59.2
Giá vốn hàng bán	37.4	49.8	40.2	34.0	38.0
Lợi nhuận gộp	15.7	22.0	20.7	16.0	21.2
Doanh thu HĐTC	0.09	0.06	0.36	0.27	0.13
Chi phí TC	1.23	2.63	2.04	0.02	1.39
Chi phí lãi vay	1.15	0.96	1.69	-0.01	1.24
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	7.97	10.4	9.89	9.71	9.68
Chi phí QLDN	4.54	6.25	8.19	5.40	6.49
LN thuần từ HĐKD	2.04	2.76	0.96	1.18	3.73
Lợi nhuận khác	-0.08	0.26	0.06	0.05	0.01
LN trước thuế	1.96	3.02	1.01	1.22	3.74
Lợi nhuận sau thuế	1.96	3.02	1.01	1.22	3.74
LNST của CĐ cty mẹ	1.96	3.02	1.01	1.22	3.74

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	9.59	-3.61	-3.05	-3.19	0.16
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.05	-2.32	-1.05	-0.21	-0.15
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-12.8	4.93	8.80	3.84	-0.97
Tiền đầu kỳ	15.6	12.5	11.5	16.1	16.6
Lưu chuyển tiền thuần	-3.17	-1.00	4.70	0.44	-0.96
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	12.5	11.5	16.1	16.6	15.6

(Nguồn: fireant.vn)